

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM THI
KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026 - TỈNH LÂM ĐỒNG

STT	Điểm thi	Số TS tại điểm thi	Số phòng thi	Số phòng dự bị	Đơn vị đăng ký dự thi	Số TS từng đơn vị	Ghi chú
Tổng cộng		41288	1848	514			
1	THPT Trần Phú - Đà Lạt	761	34	2	THPT Trần Phú - Đà Lạt	569	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn TP. Đà Lạt trước sáp nhập</i>	192	
2	THPT Bùi Thị Xuân - Đà Lạt	1003	43	9	THPT Bùi Thị Xuân - Đà Lạt	653	
					TT GDTX Đà Lạt	350	
3	THPT Chuyên Thăng Long	618	27	3	THPT Chuyên Thăng Long	303	
					PT DTNT THCS&THPT Tỉnh Lâm Đồng	141	
					THCS&THPT Xuân Trường	174	
4	THCS&THPT Tây Sơn	650	28	2	THCS&THPT Tây Sơn	380	
					PT Hermann Gmeiner - Đà Lạt	270	
5	THCS&THPT Đồng Đa	454	20	2	THCS&THPT Đồng Đa	249	
					TH, THCS&THPT Yersin Đà Lạt	205	
6	THCS&THPT Chi Lăng	449	20	3	THCS&THPT Chi Lăng	378	
					THCS&THPT Tà Nung	71	
7	THPT Langbiang	304	14	9	THPT Lang Biang	173	
					THCS&THPT Đạ Sar	74	
					THCS&THPT Đạ Nhim	43	
					TT GDTX Đà Lạt (cơ sở 2)	9	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Lạc Dương trước sáp nhập</i>	5	
8	THPT Phan Đình Phùng - Đam Rông	219	11	5	THPT Phan Đình Phùng - Đam Rông	150	
					THCS&THPT Võ Nguyên Giáp	62	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường: THPT Phan Đình Phùng - Đam Rông và THCS&THPT Võ Nguyên Giáp</i>	7	
9	THPT Đạ Tông	113	6	4	THPT Đạ Tông	111	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Đạ Tông</i>	2	
10	THPT Nguyễn Chí Thanh	174	9	6	THPT Nguyễn Chí Thanh	172	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Nguyễn Chí Thanh</i>	2	
11	THPT Hùng Vương - D' Ran	321	15	9	THPT Hùng Vương - D' Ran	294	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Đơn Dương trước sáp nhập</i>	27	
12	THPT Đơn Dương	501	21	2	THPT Đơn Dương	501	
13	THPT Pró	296	14	6	THPT Pró	259	
					TT GDNN-GDTX Đức Trọng (cơ sở 2)	37	
14	THPT Đức Trọng	815	35	4	THPT Đức Trọng	486	
					TT GDNN-GDTX huyện Đức Trọng	216	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Đức Trọng trước sáp nhập</i>	113	

STT	Điểm thi	Số TS tại điểm thi	Số phòng thi	Số phòng dự bị	Đơn vị đăng ký dự thi	Số TS từng đơn vị	Ghi chú
15	THPT Chu Văn An - Hiệp Thành	306	14	9	THPT Chu Văn An - Hiệp Thành	306	
16	THPT Lương Thế Vinh - Đức Trọng	639	28	2	THPT Lương Thế Vinh - Đức Trọng	353	
					THPT Hoàng Hoa Thám	286	
17	THPT Nguyễn Thái Bình	470	21	3	THPT Nguyễn Thái Bình	470	
18	THPT Nguyễn Bình Khiêm	358	16	7	THPT Nguyễn Bình Khiêm	358	
19	THPT Lâm Hà	626	28	2	THPT Lâm Hà	403	
					TT GDNN-GDTX Lâm Hà	144	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Lâm Hà trước sáp nhập</i>	79	
20	THPT Tân Hà	352	16	8	THPT Tân Hà	352	
21	THPT Huỳnh Thúc Kháng - Lâm Hà	337	16	8	THPT Huỳnh Thúc Kháng - Lâm Hà	337	
22	THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà	242	11	9	THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà	242	
23	THPT Thăng Long	408	18	4	THPT Thăng Long	408	
24	THPT Di Linh	563	24	2	THPT Di Linh	471	
					TT GDNN-GDTX huyện Di Linh	92	
25	THPT Lê Hồng Phong	443	20	5	THPT Lê Hồng Phong	399	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Di Linh trước sáp nhập</i>	44	
26	THPT Trường Chinh - Hòa Ninh	259	11	7	THPT Trường Chinh - Hòa Ninh	259	
27	THPT Nguyễn Việt Xuân	304	14	6	THPT Nguyễn Việt Xuân	304	
28	THPT Phan Bội Châu - Di Linh	452	20	4	THPT Phan Bội Châu - Di Linh	452	
29	THPT Nguyễn Huệ	231	10	10	THPT Nguyễn Huệ	231	
30	THPT Bảo Lâm	773	34	6	THPT Bảo Lâm	581	
					THCS&THPT Lộc Bắc	104	
					TT GDNN-GDTX Bảo Lộc (cơ sở 2)	29	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Bảo Lâm trước sáp nhập</i>	59	
31	THPT Lộc Thành	373	17	7	THPT Lộc Thành	373	
32	THPT Lộc An	265	12	8	THPT Lộc An	265	
33	THPT Bảo Lộc	521	23	10	THPT Bảo Lộc	426	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn TP. Bảo Lộc trước sáp nhập</i>	95	
34	THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc	691	30	3	THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc	426	
					TT GDNN-GDTX TP. Bảo Lộc	265	
35	THPT Lộc Thanh	639	27	2	THPT Lộc Thanh	314	
					THPT Lộc Phát	325	
36	THPT Nguyễn Tri Phương	480	21	2	THPT Nguyễn Tri Phương	276	
					THPT Lê Thị Pha	204	
37	THPT Chuyên Bảo Lộc	308	14	7	THPT Chuyên Bảo Lộc	233	
					TH, THCS&THPT Châu Á Thái Bình Dương	75	

STT	Điểm thi	Số TS tại điểm thi	Số phòng thi	Số phòng dự bị	Đơn vị đăng ký dự thi	Số TS từng đơn vị	Ghi chú	
38	THPT Đạ Huoai	427	18	2	THPT Đạ Huoai	220		
					THPT Đạm Ri	177		
					TT GDNN-GDTX Đạ Huoai	15		
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Đạ Huoai trước sáp nhập</i>	15		
39	THPT Đạ Tẻh	367	17	2	THPT Đạ Tẻh	279		
					TT GDNN-GDTX Đạ Huoai (cơ sở Đạ Tẻh)	57		
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Đạ Tẻh trước sáp nhập</i>	31		
40	THPT Lê Quý Đôn - Đạ Tẻh	222	11	4	THPT Lê Quý Đôn - Đạ Tẻh	152		
					PT DTNT THCS&THPT Đạ Tẻh	70		
41	THPT Cát Tiên	460	20	2	THPT Cát Tiên	201		
					THPT Gia Viễn	116		
					THPT Quang Trung - Cát Tiên	111		
					TT GDNN-GDTX Đạ Huoai (cơ sở Cát Tiên)	24		
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Cát Tiên trước sáp nhập</i>	8		
42	THPT Tuy Phong	801	34	2	THPT Tuy Phong	675		
42					TT GDNN-GDTX Bắc Bình (cơ sở Tuy Phong)	100		
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Tuy Phong và TT GDNN-GDTX Bắc Bình (cơ sở Tuy Phong)</i>	26		
43	THPT Hòa Đa	776	33	2	THPT Hòa Đa	674		
					43	TT GDNN&GDTX Bắc Bình (cơ sở Hòa Đa)		86
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Hòa Đa và TT GDNN-GDTX Bắc Bình (cơ sở Hòa Đa)</i>	16		
44	THPT Bắc Bình	779	33	2	THPT Bắc Bình	625		
						TT GDNN&GDTX Bắc Bình		154
45	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	454	20	6	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	399		
						<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Bắc Bình trước sáp nhập</i>		55
46	THPT Nguyễn Văn Linh	395	18	6	THPT Nguyễn Văn Linh	395		
47	THPT Hàm Thuận Bắc	628	28	4	THPT Hàm Thuận Bắc	628		
48	Phổ thông Dân tộc Nội trú	330	15	11	PT Dân tộc Nội trú	291		
						<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Hàm Thuận Bắc trước sáp nhập</i>		39
49	THPT Phan Bội Châu - Phan Thiết	1172	50	2	THPT Phan Bội Châu - Phan Thiết	945		
						TT GDNN&GDTX Bắc Bình (cơ sở Phan Bội Châu)		227
50	THPT Phan Chu Trinh - Phan Thiết	663	29	8	THPT Phan Chu Trinh - Phan Thiết	663		
51	THCS Nguyễn Du	628	27	3	THPT Phan Thiết	628		
52	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	710	31	7	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	401		
						TH, THCS và THPT Lê Quý Đôn		131
						<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn TP. Phan Thiết trước sáp nhập</i>		178

STT	Điểm thi	Số TS tại điểm thi	Số phòng thi	Số phòng dự bị	Đơn vị đăng ký dự thi	Số TS từng đơn vị	Ghi chú
53	THCS&THPT Lê Lợi	403	18	17	THCS&THPT Lê Lợi	403	
54	THPT Bùi Thị Xuân - Mũi Né	346	16	12	THPT Bùi Thị Xuân - Mũi Né	346	
55	THPT Lương Thế Vinh - Hàm Kiệm	337	16	8	THPT Lương Thế Vinh - Hàm Kiệm	337	
56	THPT Hàm Thuận Nam	515	23	12	THPT Hàm Thuận Nam	499	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Hàm Thuận Nam trước sáp nhập</i>	16	
57	THPT Nguyễn Trường Tộ	281	13	7	THPT Nguyễn Trường Tộ	279	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn thị xã La Gi trước sáp nhập</i>	2	
58	THPT Lý Thường Kiệt	614	26	14	THPT Lý Thường Kiệt	579	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường: THPT Lý Thường Kiệt, THPT Nguyễn Huệ - La Gi, TT GDNN-GDTX La Gi</i>	35	
59	THPT Nguyễn Huệ - La Gi	672	30	7	THPT Nguyễn Huệ - La Gi	515	
					TT GDNN-GDTX La Gi	157	
60	THPT Hàm Tân	230	11	10	THPT Hàm Tân	230	
61	THPT Đức Tân	311	14	11	THPT Đức Tân	237	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường trên địa bàn huyện Hàm Tân trước sáp nhập</i>	74	
62	THPT Huỳnh Thúc Kháng - Sơn Mỹ	178	9	5	THPT Huỳnh Thúc Kháng - Sơn Mỹ	176	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Huỳnh Thúc Kháng - Sơn Mỹ</i>	2	
63	THPT Tánh Linh	589	26	3	THPT Tánh Linh	508	
					TT GDNN-GDTX Đức Linh (cơ sở Tánh Linh)	37	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Tánh Linh và TT GDNN-GDTX Đức Linh (cơ sở Tánh Linh)</i>	44	
64	THPT Nguyễn Văn Trỗi	354	16	11	THPT Nguyễn Văn Trỗi	351	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Nguyễn Văn Trỗi</i>	3	
65	THPT Đức Linh	498	22	2	THPT Đức Linh	446	
					TT GDNN-GDTX Đức Linh	52	
66	THPT Hùng Vương - Hoài Đức	755	33	4	THPT Hùng Vương - Hoài Đức	698	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường THPT Đức Linh, THPT Hùng Vương - Hoài Đức, THPT Quang Trung - Nam Thành</i>	57	
67	THPT Quang Trung - Nam Thành	422	19	6	THPT Quang Trung - Nam Thành	422	
68	THPT Ngô Quyền	300	13	5	THPT Ngô Quyền	275	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Ngô Quyền</i>	25	
69	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	493	29	1	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	333	
					<i>01 phần học viên của TT GDTX, NN-Tin học tỉnh</i>	150	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh</i>	10	

STT	Điểm thi	Số TS tại điểm thi	Số phòng thi	Số phòng dự bị	Đơn vị đăng ký dự thi	Số TS từng đơn vị	Ghi chú
70	THPT Chu Văn An - Gia Nghĩa	532	24	2	THPT Chu Văn An - Gia Nghĩa	349	
					<i>01 phần học viên của TT GDTX, NN-Tin học tỉnh</i>	139	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Chu Văn An - Gia Nghĩa</i>	44	
71	THPT Gia Nghĩa	398	18	2	THPT Gia Nghĩa	374	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Gia Nghĩa</i>	24	
72	THPT DTNT N'Trang Long	175	11	4	THPT DTNT N'Trang Long	154	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT DTNT N'Trang Long</i>	21	
73	THPT Phạm Văn Đồng	571	25	7	THPT Phạm Văn Đồng	434	
					PT DTNT THCS&THPT Đắc R'Lấp	33	
					<i>TT GDTX, NN-Tin học tỉnh (Đắc R'Lấp cũ)</i>	28	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường THPT Phạm Văn Đồng và THPT Lê Quý Đôn - Tuy Đức</i>	76	
74	THPT Lê Quý Đôn - Tuy Đức	395	18	2	THPT Lê Quý Đôn-Tuy Đức	321	
					PT DTNT THCS&THPT Tuy Đức	28	
					TT GDNN-GDTX Tuy Đức	46	
75	THPT Trường Chinh - Nhân Cơ	407	18	6	THPT Trường Chinh - Nhân Cơ	397	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Trường Chinh - Nhân Cơ</i>	10	
76	THPT Nguyễn Tất Thành	329	15	6	THPT Nguyễn Tất Thành	318	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Nguyễn Tất Thành</i>	11	
77	THPT Nguyễn Đình Chiểu	401	18	5	THPT Nguyễn Đình Chiểu	327	
					THCS&THPT Lê Hữu Trác	64	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Nguyễn Đình Chiểu</i>	10	
78	THPT Đắc Glong	322	15	3	THPT Đắc Glong	266	
					PT DTNT THCS&THPT Đắc Glong	32	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Đắc Glong</i>	24	
79	THPT Lê Duẩn	266	13	4	THPT Lê Duẩn	265	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Lê Duẩn</i>	1	
80	THPT Krông Nô	633	28	8	THPT Krông Nô	526	
					PT DTNT THCS&THPT Krông Nô	29	
					<i>TT GDNN-GDTX Đắc Mil (cơ sở Krông Nô)</i>	38	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường: THPT Krông Nô, PT DTNT THCS&THPT Krông Nô và TT GDNN-GDTX Đắc Mil (cơ sở Krông Nô)</i>	40	
81	THPT Hùng Vương - Quảng Phú	188	9	3	THPT Hùng Vương - Quảng Phú	184	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Hùng Vương - Quảng Phú</i>	4	
82	THPT Trần Phú - Nam Đà	223	11	13	THPT Trần Phú - Nam Đà	219	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Trần Phú - Nam Đà</i>	4	

STT	Điểm thi	Số TS tại điểm thi	Số phòng thi	Số phòng dự bị	Đơn vị đăng ký dự thi	Số TS từng đơn vị	Ghi chú
83	THPT Phan Chu Trinh - Cư Jút	433	20	1	THPT Phan Chu Trinh - Cư Jút	433	
84	THPT Phan Bội Châu - Nam Dong	424	19	12	THPT Phan Bội Châu - Nam Dong	328	
					<i>PT DTNT THCS&THPT Cư Jút</i>	32	
					<i>TT GDNN-GDTX Đắk Mil (cơ sở Cư Jút)</i>	17	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường: THPT Krông Phan Chu Trinh - Cư Jút, THPT Phan Bội Châu - Nam Dong và TT GDNN-GDTX Đắk Mil (cơ sở Cư Jút)</i>	47	
85	THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong	195	10	9	THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong	190	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong</i>	5	
86	THPT Đắk Mil	525	23	7	THPT Đắk Mil	374	
					<i>PT DTNT THCS&THPT Đắk Mil</i>	32	
					<i>TT GDNN-GDTX Đắk Mil</i>	119	
87	THPT Trần Hưng Đạo	580	26	4	THPT Trần Hưng Đạo	413	
					THCS-THPT Trương Vĩnh Ký	95	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại các trường: THPT Đắk Mil, THPT Trần Hưng Đạo, THCS-THPT Trương Vĩnh Ký, THPT Đắk Song, THPT Phan Đình Phùng - Đức An, THPT Lương Thế Vinh - Thuận Hạnh</i>	72	
88	THPT Đắk Song	471	21	3	THPT Đắk Song	442	
					<i>PT DTNT THCS&THPT Đắk Song</i>	29	
89	THPT Phan Đình Phùng - Đức An	402	18	2	THPT Phan Đình Phùng - Đức An	242	
					THPT Lương Thế Vinh - Thuận Hạnh	160	
90	THPT Nguyễn Du - Đắk Sắk	315	15	10	THPT Nguyễn Du - Đắk Sắk	309	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Nguyễn Du - Đắk Sắk</i>	6	
91	THPT Quang Trung - Đắk Mil	275	13	6	THPT Quang Trung - Đắk Mil	263	
					<i>TSTD nộp hồ sơ tại trường THPT Quang Trung - Đắk Mil</i>	12	

Danh sách này có 91 Điểm thi.

Lưu ý: TSTD là viết tắt của "Thí sinh tự do".